

CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ TRẮC DỌC, TRẮC NGANG

THỜI HẠN NỘP 17h45 THỨ 3 (16/4/2019)

Sinh viên làm theo mẫu đính kèm cuối bài tập.

Yêu cầu:

1. Tính thông số đường cong, lý trình

Tính thông số các đường cong nằm (T, P, K), đường cong đứng (T, D, K)

Tính toán lý trình điểm cuối các đường cong.

2. Tính toán cao độ thiết kế và vẽ trắc dọc thiết kế

Xác định cao độ thiết kế của các điểm đầu, cuối các đoạn tuyến, các điểm đổi dốc, các điểm đặc biệt của đường cong nằm, đường cong đứng (TD, P(D), TC). Chú ý cao độ đỉnh đường cong đứng sau khi cấm cong.

Biểu diễn trắc dọc thiết kế bao gồm các nội dung: đường đỏ; Cao độ thiết kế; độ dốc/Chiều dài dốc; Đoạn thẳng, đoạn cong; Tỷ lệ ngang 1:5000, Tỷ lệ đứng 1:500.

Các số liệu khác sinh viên tự giả thiết phù hợp.

Ghi chú: Độ dốc (%), chiều dài L (m); LTTĐ: Lý trình Tiếp đầu; Góc CH góc chuyển hướng (độ); H_{tk} : Cao độ thiết kế điểm đầu tuyến (m)

Sinh viên trao đổi tại diễn đàn học thuật (dùng tài khoản Mydtu.):

http://af.duytan.edu.vn/sites/index.aspx?p=forum_forum&d=CIE&d1=411

I. Thông tin chung

Họ và tên sinh viên

Mã số SV:

Lớp:

II. Tóm tắt các kết quả tính toán:

1. Thông số đường cong nằm

TT	Bán kính (m)	Góc ch.h (o)	T (m)	P (m)	K(m)
1					
2					

2. Thông số đường cong đứng

TT	Bán kính (m)	Chênh độ dốc%	T (m)	d(m)	K(m)
1					
2					

3. Lý trình các điểm trên đường cong nằm:

TT	LT TD	LT P	LT TC
1			
2			

4. Lý trình các điểm đường cong đứng

TT	LT TD	LT P	LT TC
1			
2			

5. Lý trình các điểm đổi dốc:

LT điểm 1:

Lí trình điểm 2:

6. Cao độ các điểm đặc biệt trên tuyến:

Cao độ điểm đầu đoạn tuyến:

Cao độ điểm đổi dốc 1 (chưa cắm cong đứng) :

Cao độ điểm đổi dốc 2 (chưa cắm cong đứng) :

Cao độ điểm cuối dốc (chưa cắm cong đứng) :

7. Tính toán cao độ các điểm chi tiết:

Điểm	TD1	P1	TC1	TD2	P2	TC2	Đường cong nằm
Điểm	TD1	P1	TC1	TD2	P2	TC2	Đường cong đứng

III. Chi tiết các bước tính toán.

